

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/DS-ST

Ngày: 23/8/2023.

V/v: “*Tranh chấp giao dịch dân sự*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Bình

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Hải T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã TS, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1982 (xin vắng).

Ông Dương Hoàng N, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã TS, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Bà Trần Thị Hồng K, sinh năm 1963 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp TT, xã TS, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang

2. Bà Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 1979 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp TH, xã TS, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Hải T trình bày:*

Bà H và anh N là vợ chồng. Vợ chồng bà H có tham gia 05 dây hội do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/06/2019 al (đã mãn hụi ngày 10/04/2022 al), có 36 phần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ 09 (ngày 10/02/2020 al), sau đó đóng hụi chết đến kỳ thứ 30 thì ngưng, còn nợ 6 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ, tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/10/2019 al (đã mãn hụi ngày 25/08/2022 al) có 36 phần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ 09 (ngày 25/07/2020), sau đó đóng hụi chết đến kỳ thứ 26 thì ngưng, còn nợ 10 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ, tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Dây thứ 3: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/06/2020al (mãn hụi ngày 15/04/2023 al) có 36 phần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ thứ 07 (ngày 15/12/2020 al) sau đó đóng hụi chết đến kỳ thứ 17 thì ngưng, còn nợ 18 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ, tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

Dây thứ 4: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/02/2021al (mãn hụi ngày 20/02/2023) có 37 phần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần. Phần hụi này vợ chồng bà H đã bán cho bà Hồng K. Sau đó, vợ chồng bà H đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng, còn nợ 28 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ, tổng số tiền là 56.000.000đồng.

Dây thứ 5: Hụi 2.000.000 đồng tháng, khai ngày 05/10/2021al (đã mãn hụi), có 30 phần, vợ chồng bà H tham gia 02 phần, đã đóng 04 kỳ hụi sống chưa hốt hụi. Vợ chồng bà H và bà thống nhất vợ chồng bà H nhận lại số tiền hụi sống đã nộp là 11.000.000 đồng

Ngoài ra: Hai bên còn thỏa thuận, vợ chồng bà H sẽ thay bà nộp số tiền bà nợ của bà Tú N là 54.000.000 đồng.

Hai bên thống nhất trừ khoản tiền hụi sống và khoản tiền 54.000.000 đồng nộp thay cho bà Tú N vào khoản tiền vợ chồng bà H còn nợ hụi. Cụ thể: Dây 1: 12.000.000 đồng + Dây 2: 30.000.0000 đồng + Dây 3: 90.000.000 đồng + Dây 4: 56.000.000 đồng = 188.000.000 đồng – 11.000.000 đồng hụi sống – 54.000.000 đồng nộp thay cho chị Tú N = 123.000.000 đồng còn nợ.

Nay bà Phan Hải T yêu cầu Tòa án giải quyết.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H và chồng là ông Dương Hoàng N phải liên đới trả cho bà số tiền còn nợ là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn ông Dương Hoàng N và bà Nguyễn Thị Huỳnh H thống nhất trình bày: Ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông, bà đồng ý trả số tiền 123.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng K và bà Nguyễn Thị Tú N thống nhất trình bày: Việc chơi hụi giữa bà T và vợ chồng ông N hai bà đã tự thỏa thuận được với nhau nên không có yêu cầu gì đối với tranh chấp vụ án trên. Nên bà K và bà N xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà Phan Hải T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Dương Hoàng N phải

liên đới trả cho bà số tiền còn nợ là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H, bà K và bà N có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà T yêu cầu vợ chồng bà H, ông N liên đới trả số tiền nợ hui, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *“Tranh chấp hợp đồng góp hui”* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thới Hòa, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu của bà Phan Hải T yêu cầu vợ chồng bà H, ông N liên đới trả số tiền nợ hui 123.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại *“giấy nợ hui”*, bản trình bày ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà H, ông N đều thừa nhận có tham gia chơi hui chỗ bà T và có nợ bà T số tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc vợ chồng bà H, ông N có tham gia hui và đã đóng hui, hốt hui, nợ hui bà T số tiền 123.000.000 đồng là có thật.

[4] Ở đây thứ 4: Hui 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/02/2021a1 (mãn hui ngày 20/02/2023), có 37 phần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần. Phần hui này vợ chồng bà H đã bán cho bà Hồng K. Sau đó, vợ chồng bà H đóng hui chết đến kỳ thứ 9 thì ngưng, còn nợ 28 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ, tổng số tiền là 56.000.000 đồng. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận, vợ chồng bà H sẽ thay bà nộp số tiền bà T nợ của bà Tú Nga là 54.000.000 đồng. Tại bản tự khai của bà Tú N và bà Hồng K và tại phiên tòa các đương sự đã trình bày đối với hai giao dịch trên các bên đã thỏa thuận xong nên không có yêu cầu, bà K và bà N cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, các đương sự đã tự thỏa thuận được vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Ông N trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng. Gom 5 tháng trả 01 lần là 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng phía bà T không đồng ý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận”.

Theo quy định tại Điều 354 của Bộ luật Dân sự: “1. Khi không thể thực hiện được nghĩa vụ đúng thời hạn thì bên có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên có quyền biết và đề nghị được hoãn việc thực hiện nghĩa vụ” và “2. Bên có nghĩa vụ được hoãn việc thực hiện nghĩa vụ, nếu được bên có quyền đồng ý”.

Xét thấy, thời điểm thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng bà H, ông N đối với bà Tùng đã đến hạn thực hiện. Ông N xin được hoãn thực hiện nghĩa vụ nhưng không được bà T đồng ý và giữa các bên cũng không có thoả thuận nào khác. Do đó, yêu cầu xin trả dần tiền nợ của ông N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 428, Điều 471, Điều 284, Điều 120, Điều 354 của Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hải T. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Dương Hoàng N liên đới trả cho bà Phan Hải T số tiền 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Dương Hoàng N phải chịu 6.150.000 (sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phan Hải T cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Dương Hoàng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Liên